

Số: 20 /NQ-HĐND

Thành phố Cao Lãnh, ngày 10 tháng 12 năm 2020

**NGHỊ QUYẾT**

**Phê chuẩn dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, phân bổ  
ngân sách cấp Thành phố năm 2021 của thành phố Cao Lãnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH  
KHÓA VIII KỲ HỌP THỨ 18**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Thực hiện Quyết định số 1858/QĐ-UBND-HC ngày 08 tháng 12 năm 2020 của UBND tỉnh Đồng Tháp về việc giao dự toán ngân sách nhà nước cho huyện, thành phố năm 2021;*

*Xét Báo cáo số 272/BC-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2020, của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh về ước thực hiện thu, chi ngân sách năm 2020 và dự toán thu, chi ngân sách năm 2021; Tờ trình số 170/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2020, của Ủy ban nhân dân thành phố Cao Lãnh về phương án phân bổ dự toán thu - chi ngân sách Thành phố năm 2021 và Báo cáo thẩm tra số 17/BC-HĐND ngày 30 tháng 11 năm 2020, của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Phê chuẩn dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách cấp Thành phố năm 2021

1. Phê chuẩn dự toán ngân sách nhà nước năm 2021

a) Dự toán thu:

- Thu ngân sách Thành phố năm 2021 là: 1.288,690 tỷ đồng (Một ngàn, hai trăm tám mươi tám tỷ, sáu trăm chín mươi triệu đồng), gồm:

+ Các khoản thu được hưởng 100% : 739,810 tỷ đồng. Trong đó:

Ngân sách cấp Thành phố : 724,472 tỷ đồng.

Ngân sách xã : 15,338 tỷ đồng.

+ Thu bổ sung từ ngân sách Tỉnh : 158,747 tỷ đồng.

+ Thu từ nguồn cải cách tiền lương : 390,133 tỷ đồng.

b) Dự toán chi ngân sách Thành phố:

Tổng chi ngân sách Thành phố năm 2021 là: 1.288,690 tỷ đồng (*Một ngàn, hai trăm tám mươi tám tỷ, sáu trăm chín mươi triệu đồng*), gồm:

- Chi đầu tư phát triển : 216,534 tỷ đồng.
- + Ngân sách cấp Thành phố: 216,534 tỷ đồng.
- + Ngân sách xã : 0 đồng.
- Chi thường xuyên : 574,130 tỷ đồng.
- + Ngân sách cấp Thành phố: 468,286 tỷ đồng.
- + Ngân sách xã, phường : 105,844 tỷ đồng.
- Dự phòng ngân sách : 18,928 tỷ đồng.
- + Ngân sách cấp Thành phố: 16,549 tỷ đồng.
- + Ngân sách xã : 2,379 tỷ đồng.
- Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương là: 479,098 tỷ đồng.

## **2. Phê chuẩn phân bổ dự toán ngân sách cấp Thành phố năm 2021**

a) Tổng thu ngân sách cấp Thành phố: 1.180,467 tỷ đồng (*Một ngàn, một trăm tám mươi tỷ, bốn trăm sáu mươi bảy triệu đồng*)

b) Tổng chi ngân sách cấp Thành phố: 1.180,467 tỷ đồng (*Một ngàn, một trăm tám mươi tỷ, bốn trăm sáu mươi bảy triệu đồng*), gồm:

- Chi đầu tư phát triển : 216,534 tỷ đồng.
- Chi thường xuyên : 468,286 tỷ đồng.
- + Chi sự nghiệp: 410,119 tỷ đồng (Trong đó: Chi sự nghiệp giáo dục – đào tạo là: 270,098 tỷ đồng).
- + Chi an ninh quốc phòng : 5,408 tỷ đồng.
- + Chi quản lý nhà nước : 22,332 tỷ đồng.
- + Chi đoàn thể : 5,888 tỷ đồng.
- + Chi khác ngân sách : 24,539 tỷ đồng.
- Dự phòng ngân sách : 16,549 tỷ đồng.
- Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương là: 479,098 tỷ đồng.

## **Điều 2. Giải pháp thực hiện dự toán ngân sách năm 2021**

1. Ủy ban nhân dân Thành phố điều hành ngân sách theo đúng Nghị quyết Hội đồng nhân dân Thành phố, phấn đấu tăng thu, tiết kiệm chi. Ưu tiên nguồn lực thực hiện các dự án trọng điểm và các chính sách an sinh xã hội. Điều hành đảm bảo tổng mức chi dự toán ngân sách năm 2021 đã được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định trên cơ sở xác định thứ tự ưu tiên các nhiệm vụ chi, đảm bảo kinh phí phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra. Hạn chế việc ứng trước ngân sách và chuyển nguồn chi thường xuyên, các khoản thu, chi ngân sách nhà nước phải thực hiện theo dự toán được phê duyệt.



2. Đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn các công trình, dự án; quản lý chặt chẽ vốn đầu tư xây dựng cơ bản; kiên quyết xử lý các trường hợp sử dụng vốn đầu tư không có kế hoạch, các trường hợp vi phạm pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản.

3. Năm 2021 là năm kéo dài của thời kỳ ổn định ngân sách: Trong thời kỳ ổn định ngân sách thực hiện:

- Bổ sung cân đối từ ngân sách cấp Thành phố cho ngân sách xã, phường là: 79,082 tỷ.

- Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp Thành phố cho ngân sách xã (kinh phí đảm bảo xã hội theo Nghị định 136/CP, kinh phí an toàn giao thông), phường là: 26,762 tỷ.

- Xã, phường ổn định nguồn thu được hưởng theo phân cấp và số bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Thành phố để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ chi theo phân cấp.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao cho Ủy ban nhân dân Thành phố tổ chức điều hành ngân sách theo dự toán ngân sách nhà nước đã được Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định. Trường hợp có biến động lớn về thu, chi ngân sách nhà nước, Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng phương án điều chỉnh, trình Hội đồng nhân dân Thành phố, Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố quyết định theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Trong quá trình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Ủy ban nhân dân Thành phố chỉ đạo các phòng, ban, ngành và các xã, phường tập trung chỉ đạo thu, phân đầu thu vượt dự toán để có thêm nguồn thực hiện chính sách tiền lương, bổ sung vốn đầu tư phát triển và giải quyết các vấn đề cấp bách, đột xuất phát sinh.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố có trách nhiệm giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cao Lãnh khóa VIII kỳ họp thứ 18 thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận: *W*

- Như Điều 3, Điều 4;
- TT/HĐND, UBND Tỉnh;
- Sở Tài chính, Sở KH-ĐT Tỉnh
- Kho bạc Nhà nước Tỉnh;
- TT Thành ủy;
- TT UBMTTQVN TP và các Tổ chức chính trị - xã hội Thành phố;
- Các phòng, ban, ngành TP;
- HĐND, UBND xã, phường;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH

*Phan Văn Thương*  
**Phan Văn Thương**





**BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2021**  
(Đính kèm Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Cao Lãnh)

DVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Năm 2020		Tỷ lệ đạt (%)	Dự toán năm 2021			
		Dự toán	Ước TH		Thu NSNN	Thu NS Tỉnh & NS TW	Thu NS thành phố	Thu NS xã
A	B	1	2	3=2/1*100	4=5+6	5	6	7
<b>TỔNG THU NSNN</b>		<b>1.341.543</b>	<b>2.171.542</b>	<b>161.87</b>	<b>1.616.890</b>	<b>328.200</b>	<b>1.270.007</b>	<b>18.683</b>
<b>A</b>	<b>Thu NSNN trên địa bàn</b>	<b>1.055.700</b>	<b>957.400</b>	<b>90.69</b>	<b>1.068.010</b>	<b>328.200</b>	<b>724.472</b>	<b>15.338</b>
<b>I</b>	<b>Thu từ sản xuất KD trong nước</b>	<b>1.055.700</b>	<b>957.400</b>	<b>90.69</b>	<b>1.068.010</b>	<b>328.200</b>	<b>724.472</b>	<b>15.338</b>
1	Thu từ KV ngoài quốc doanh	666.000	555.000	83.33	662.000	142.700	519.300	-
	- Thuế giá trị gia tăng	263.830	170.000	64.44	234.600		234.600	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	322.900	260.000	80.52	284.700		284.700	
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	65.500	110.000	167.94	128.220	128.220		
	- Thuế tài nguyên	13.770	15.000	108.93	14.480	14.480		
	- Thu khác ngoài quốc doanh		-		-			
2	Thuế thu nhập cá nhân	44.500	90.000	202.25	40.000	40.000		
3	Lệ phí trước bạ	65.000	45.000	69.23	54.000		47.830	6.170
4	Thuế nhà, đất/Thuế sử dụng đất phi NN	3.000	3.000	100.00	3.310			3.310
5	Thu phí, lệ phí	17.000	29.400	172.94	15.500	1.500	8.752	5.248
	- Lệ phí Trung ương	-	6.200		-			
	- Lệ phí Tỉnh	3.000	9.200		1.500	1.500		
	- Lệ phí Huyện và xã	14.000	14.000	100.00	14.000		8.752	5.248
6	Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước	50.000	25.000	50.00	33.000		33.000	
7	Thu tiền sử dụng đất	150.000	155.000	103.33	200.000	100.000	100.000	
8	Thu khác ngân sách (kể cả thu tại xã)	60.200	55.000	91.36	60.200	44.000	15.590	610
<b>B</b>	<b>Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên</b>				-		-	-
<b>C</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>125.122</b>	<b>420.000</b>		<b>158.747</b>	<b>-</b>	<b>158.747</b>	<b>-</b>
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	116.197	170.000		116.197		116.197	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	8.925	250.000		42.550		42.550	
<b>D</b>	<b>Thu chuyển nguồn làm lương</b>	<b>94.721</b>			<b>390.133</b>		<b>386.788</b>	<b>3.345</b>

Stt	Nội dung	Năm 2020		Tỷ lệ đạt (%)	Dự toán năm 2021			
		Dự toán	Ước TH		Thu NSNN	Thu NS Tỉnh & NS TW	Thu NS thành phố	Thu NS xã
A	B	1	2	3=2/1*100	4=5+6	5	6	7
E	50% nguồn tăng thu DT 2020 so với DT 2019	66.000						
F	Thu chuyển nguồn		779.099					
G	Thu kết dư ngân sách năm trước		15.043					
<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</b>		<b>1.067.773</b>	<b>1.931.142</b>	<b>180.86</b>	<b>1.288.690</b>	<b>-</b>	<b>1.270.007</b>	<b>18.683</b>
A	Các khoản thu cân đối NSĐP	1.001.773	1.137.000	113.50	1.288.690	-	1.270.007	18.683
1	Các khoản thu 100%	195.200	205.000	105.02	220.510		205.172	15.338
2	Thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	586.730	512.000	87.26	519.300		519.300	
3	Thu bổ sung từ ngân sách cấp Tỉnh	125.122	420.000	335.67	158.747		158.747	
4	Thu chuyển nguồn làm lương	94.721			390.133		386.788	3.345
5	50% nguồn tăng thu DT 2020 so với DT 2019	66.000	15.043		-		-	
B	Thu chuyển nguồn		779.099		-			
C	Thu từ ngân sách cấp dưới nộp lên		-		-			





**BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH  
THÀNH PHỐ NĂM 2021**

(Đính kèm Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Cao Lãnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Nội dung các khoản chi	Năm 2020		% đạt so với DT	Dự toán năm 2021	Trong đó	
		Dự toán	Ước TH			Ngân sách cấp TP	Ngân sách xã
A	B	1	2	3= 2/1*100	4=5+6	5	6
<b>TỔNG SỐ CHI NS ĐP</b>		<b>1.067.773</b>	<b>1.028.306</b>	<b>96.30</b>	<b>1.288.690</b>	<b>1.180.467</b>	<b>108.223</b>
<i>A/- Chi cân đối ngân sách địa phương</i>		<i>1.067.773</i>	<i>922.803</i>	<i>86.42</i>	<i>1.288.690</i>	<i>1.180.467</i>	<i>108.223</i>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>168.534</b>	<b>235.000</b>	<b>139.44</b>	<b>216.534</b>	<b>216.534</b>	<b>0</b>
1	Dự toán đầu năm	168.534	135.000	80.10	216.534	216.534	0
	- Ngân sách tập trung	116.534	95.000	81.52	116.534	116.534	
	- Nguồn thu tiền sử dụng đất	52.000	40.000	76.92	100.000	100.000	
2	Chi từ nguồn khác		100.000				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>538.291</b>	<b>476.500</b>	<b>88.52</b>	<b>574.130</b>	<b>468.286</b>	<b>105.844</b>
<i>a</i>	<i>Chi ngân sách Thành phố</i>	<i>459.054</i>	<i>375.500</i>	<i>81.80</i>	<i>574.130</i>	<i>468.286</i>	<i>105.844</i>
1	Chi sự nghiệp kinh tế	70.935	70.000	98.68	113.488	112.168	1.320
	- Chi sự nghiệp công nghệ thông tin (TTThọc)	356	330	92.70	821	821	
	- Chi hoạt động trật tự đô thị (Đội TTĐT)	100	352	352.00	100	100	
	- Chi hoạt động TT Dịch vụ Nông nghiệp				2.650	2.650	
	- Các chi tiêu SN kinh tế còn lại	70.479	69.318	98.35	109.917	108.597	1.320
2	Chi SN giáo dục, đào tạo và dạy nghề	299.827	230.000	76.71	275.271	270.098	5.173
3	Chi SN văn hóa thông tin-thể thao	5.802	10.000	172.35	7.367	5.864	1.503
4	Chi SN phát thanh truyền hình		-		1.153		1.153
5	Chi sự nghiệp môi trường	14.578	11.000	75.46	21.843	21.318	525
6	Chi đảm bảo xã hội	23.736	3.000	12.64	27.629	671	26.958
7	Chi quản lý hành chính	26.759	35.000	130.80	86.460	28.220	58.240
	- Quản lý nhà nước	21.404	27.000	126.14	80.572	22.332	58.240
	- Chi hỗ trợ Đoàn thể	5.355	8.000	149.39	5.888	5.888	

STT	Nội dung các khoản chi	Năm 2020		% đạt so với DT	Dự toán năm 2021	Trong đó	
		Dự toán	Ước TH			Ngân sách cấp TP	Ngân sách xã
A	B	1	2	3= 2/1*100	4=5+6	5	6
8	Chi an ninh quốc phòng địa phương	5.159	14.000	271.37	14.593	5.408	9.185
	- Chi giữ an ninh TTAT xã hội	3.276	5.500	167.89	9.714	3.553	6.161
	- Chi quốc phòng địa phương	1.883	8.500	451.41	4.879	1.855	3.024
9	Chi khác ngân sách	12.258	2.500	20.39	26.326	24.539	1.787
b	Chi ngân sách xã	79.237	101.000	127.47			
V	Dự phòng	18.928	10.000	52.83	18.928	16.549	2.379
VI	Chi tạo nguồn CCTL	342.020	201.303		479.098	479.098	
B	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới		100.000		-		
C	Chi nộp ngân sách cấp trên		5.503				
D	Các khoản chi để lại quản lý qua NSNN		-				





Biểu số: 03

## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2021

(Đính kèm Nghị quyết số 8/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Cao Lãnh)

DVT: Triệu đồng

Stt	Chi tiêu	Dự toán năm 2020	UTH2020	Dự toán năm 2021
A	B	1	2	3
<b>A</b>	<b>Tổng thu NSNN trên địa bàn (1)</b>	<b>1.341.543</b>	<b>2.171.542</b>	<b>1.616.890</b>
1	Thu nội địa	1.341.543	2.171.542	1.616.890
<b>B</b>	<b>Thu cân đối ngân sách Thành phố</b>	<b>1.067.773</b>	<b>1.931.142</b>	<b>1.288.690</b>
1	Thu ngân sách Thành phố hưởng theo phân cấp	781.930	717.000	739.810
	- Các khoản thu NS Thành phố hưởng 100%	195.200	205.000	220.510
	- Các khoản thu phân chia NS Thành phố hưởng theo tỷ lệ phần trăm (%)	586.730	512.000	519.300
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	125.122	420.000	158.747
	- Bổ sung cân đối	116.197	170.000	116.197
	- Bổ sung có mục tiêu	8.925	250.000	42.550
3	Thu chuyển nguồn	94.721	779.099	390.133
4	50% nguồn tăng thu DT 2020 so với DT 2019	66.000		0
5	Thu kết dư ngân sách năm trước	0	15.043	
7	Các khoản thu để lại quản lý qua NSNN	0	0	0
<b>C</b>	<b>Chi ngân sách Thành phố</b>	<b>1.067.773</b>	<b>1.028.306</b>	<b>1.288.690</b>
<b>I</b>	<b>Chi ngân sách cấp Thành phố</b>	<b>986.157</b>	<b>927.306</b>	<b>1.180.467</b>
1	Chi đầu tư phát triển	168.534	235.000	216.534
2	Chi thường xuyên	459.054	375.500	468.286
3	Chi tạo nguồn thực hiện cải cách tiền lương	342.020	0	479.098
4	Dự phòng ngân sách	16.549	10.000	16.549
5	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương		201.303	
6	Chi bổ dung cho NS cấp dưới		100.000	
7	Chi từ nguồn để lại quản lý qua NSNN		0	
8	Chi nộp ngân sách cấp trên		5.503	
<b>IV</b>	<b>Chi ngân sách xã</b>	<b>81.616</b>	<b>101.000</b>	<b>108.223</b>
1	Chi đầu tư phát triển			0
2	Chi thường xuyên	79.237	101.000	105.844
3	Dự phòng ngân sách	2.379	0	2.379
4	Nguồn thực hiện cải cách tiền lương		0	
<b>V</b>	<b>Kết dư ngân sách</b>		<b>902.836</b>	<b>0</b>